

Bài 6

THỰC HÀNH : CÁC GIAI ĐOẠN TRONG LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN LÃNH THỔ

I – MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần :

1. Về kiến thức

Hiểu được 3 giai đoạn trong lịch sử hình thành và phát triển lãnh thổ tự nhiên Việt Nam.

Giải thích được sự phân hoá đa dạng của tự nhiên và sự phong phú của các loại tài nguyên khoáng sản ở nước ta trên cơ sở những kiến thức về lịch sử địa chất và kiến tạo.

2. Về kĩ năng

Xác định được trên lược đồ các hình thái và cấu trúc địa chất chính ở Việt Nam.

Liên hệ, giải thích được nguồn gốc các khu vực địa hình, các kiểu địa hình và khu vực địa lí tự nhiên trên lãnh thổ nước ta ngày nay.

3. Về thái độ

Tôn trọng cơ sở khoa học để tìm hiểu, nghiên cứu lịch sử phát triển lãnh thổ tự nhiên Việt Nam.

II – CÁC PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bản đồ Cấu trúc địa chất Việt Nam (phóng to).
- Bản đồ Địa chất, khoáng sản Việt Nam.
- Bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.
- Atlas Địa lí Việt Nam.

III – MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý

Trọng tâm của bài là giai đoạn Cổ kiến tạo và giai đoạn Tân kiến tạo.

– GV khai thác bản đồ Địa chất, khoáng sản Việt Nam để giảng giải cho HS những nội dung cơ bản về Địa chất Việt Nam như địa tầng, macma, cấu trúc – kiến tạo và các mỏ khoáng sản quan trọng ở nước ta.

– GV gợi ý để HS phân biệt các mỏ khoáng sản có nguồn gốc nội sinh và ngoại sinh.

IV – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Nội dung 1

GV nêu yêu cầu của nội dung 1. Sau đó tìm hiểu từng giai đoạn.

1. Giai đoạn Tiền Cambri

– GV yêu cầu HS dựa vào hình 5 trong SGK và bản đồ Địa chất, khoáng sản (hoặc Atlas Địa lí Việt Nam) để xác định nơi phân bố của các đá biến chất Tiền Cambri được phát hiện ở KonTum, Hoàng Liên Sơn.

– GV yêu cầu một HS lên bảng để xác định vị trí các bộ phận nền móng của lãnh thổ nước ta trên bản đồ Địa chất, khoáng sản. Sau đó, GV chỉ lại trên bản đồ các khu vực có đá biến chất cổ nhất nước ta và chốt lại kiến thức : đây là giai đoạn hình thành nền móng ban đầu của lãnh thổ nước ta.

2. Giai đoạn Cổ kiến tạo

GV cũng cho HS nhận biết :

– Sự phân bố các đá trầm tích, macma, biến chất tuổi Cổ sinh trên lược đồ hình 5 trong SGK (hoặc Atlas Địa lí Việt Nam).

– Các địa khối Thượng nguồn sông Chảy, khối nâng Việt Bắc, địa khối KonTum, các dãy núi ở Tây Bắc, Bắc Trung Bộ. Các khối núi ở Đông Bắc và khu vực núi cao ở Nam Trung Bộ.

– Các đứt gãy trong giai đoạn này và các mỏ khoáng sản nội sinh.

Sau đó, GV gọi 1 hoặc 2 HS lên bảng xác định trên bản đồ Địa chất, khoáng sản sự phân bố các loại đá, các khối nâng, các dãy núi...

GV chốt lại kiến thức cần thiết trên bản đồ.

Nội dung 2

GV nêu yêu cầu : đối chiếu với bản đồ Địa chất, khoáng sản và bản đồ Các miền Địa lí tự nhiên Việt Nam để xác định các đơn vị cấu trúc địa chất cơ bản có

hướng tây bắc – đông nam và hướng vòng cung, trình bày sự phong phú của tài nguyên khoáng sản nước ta.

GV có thể chia nhóm, sau đó gọi HS lên chỉ trên bản đồ và trình bày ý kiến của mình. GV cần giải thích cho HS hiểu mối quan hệ giữa địa chất với cấu trúc sơn văn và sự hình thành tài nguyên khoáng sản có nguồn gốc nội sinh và ngoại sinh ở nước ta.

3. Giai đoạn Tân kiến tạo

– GV gọi một HS lên bảng, xác định trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam các khu vực diễn ra các hoạt động địa chất chính của nước ta vào giai đoạn này.

GV cần cho HS thấy rõ đặc điểm địa chất nổi bật của giai đoạn này là bồi đắp trầm tích ... trên một bộ phận lớn của lãnh thổ và ảnh hưởng của vận động tạo núi Anpơ – Himalaya.

– Tiếp theo, GV gọi một HS khác chỉ trên bản đồ Địa chất, khoáng sản Việt Nam các mỏ khoáng sản : sắt ở Thái Nguyên, thiếc ở Cao Bằng, bôxít ở Tây Nguyên, dầu mỏ và khí đốt ở thềm lục địa.

– GV giải thích thêm sự phong phú và điều kiện khai thác tài nguyên khoáng sản nước ta để HS hiểu rõ hơn.